

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Trung Nam
huyện Vĩnh Linh đến năm 2035**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Số 44/2015NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định 44/2015NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 Sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 3461/QĐ-UBND ngày 11/11/2022 của UBND huyện Vĩnh Linh về việc phê duyệt nhiệm vụ đồ án Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Trung Nam huyện Vĩnh Linh giai đoạn 2021-2025 định hướng đến 2030;

Căn cứ Quyết định số 1165/QĐ-UBND ngày 11/5/2023 của UBND huyện Vĩnh Linh về việc điều chỉnh tên đồ án quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới các xã thuộc huyện Vĩnh Linh giai đoạn 2021-2025 định hướng đến 2030 tại các Quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch;

Xét đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo thẩm định số 49/KTHT-TĐQH ngày 16/10/2023; Tờ trình số 109/TTr-UBND ngày 27/9/2023 của UBND xã Trung Nam về việc thẩm định, phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Trung Nam huyện Vĩnh Linh đến năm 2035.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Trung Nam huyện Vĩnh Linh đến năm 2035 với những nội dung chủ yếu sau:

1. Quy mô diện tích, phạm vi ranh giới quy hoạch

- Quy mô diện tích: 2.305,06ha.
- Phạm vi ranh giới quy hoạch:
 - + Phía Bắc giáp xã Vĩnh Thái.
 - + Phía Đông giáp xã Kim Thạch.
 - + Phía Nam giáp xã Vĩnh Hòa.
 - + Phía Tây giáp thị trấn Hồ Xá và xã Vĩnh Tú.

2. Tính chất

Phát triển kinh tế sản xuất nông, lâm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, kết hợp thương mại dịch vụ, du lịch cộng đồng có hiệu quả cao, bền vững và phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của địa phương.

3. Mục tiêu

- Phát triển kinh tế xã hội bền vững, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh quốc phòng, giữ gìn phát huy bản sắc văn hóa địa phương và bảo vệ môi trường sinh thái.
- Gắn với quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, gắn với xây dựng các cơ sở công nghiệp - TTCN, dịch vụ theo quy hoạch.
- Nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn với điều kiện tiện nghi giảm dần khoảng cách với cuộc sống đô thị.
- Phòng chống và giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra.

4. Quy mô dân số, lao động, các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu

a. Quy mô dân số, lao động: Được thể hiện theo bảng sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2022	Năm 2025	Năm 2030	Năm 2035
I	Dân số					
1	Tổng dân số theo tỷ lệ tăng tự nhiên	Người	6.803	7.040	7.454	7.893
2	Tổng số hộ	hộ	1.772	1.797	1.941	2.055
3	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều	%	2,82	2,40	2,00	1,50
II	Lao động		4.082	4.224	4.472	4.736
1	Lao động qua đào tạo	Người	2.204	2.746	3.354	4.026
2	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	54,0	65,0	75,0	85,0

b. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu:

Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật áp dụng QCVN:01-2021 về Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng.

- Đất nhà ở có diện tích $\geq 25\text{m}^2/\text{người}$.
- Đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật $\geq 5\text{m}^2/\text{người}$.
- Đất cây xanh công cộng $\geq 4\text{m}^2/\text{người}$.
- Đất công cộng, dịch vụ $\geq 5\text{m}^2/\text{người}$.

c. Chỉ tiêu sử dụng đất hạ tầng xã hội:

- Tiêu chuẩn cấp nước ≥ 100 lít/người/ngày đêm
- Tiêu chuẩn cấp điện ≥ 200 W/người.
- Thoát nước sinh hoạt: Lấy bằng 80% tiêu chuẩn cấp nước.
- Rác thải sinh hoạt $\geq 0,8$ kg/ người/ngày.

5. Quy hoạch sử dụng đất

Tổng diện tích tự nhiên toàn xã là 2.305,06ha, định hướng quy hoạch sử dụng đất như sau:

- Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2022 - 2025 định hướng đến 2030 được thể hiện trong bảng sau:

Đơn vị: ha.

TT	Loại đất	Năm 2022	Năm 2025	Năm 2030	Tăng (+)/giảm(-) năm 2030 so với 2022
1	Đất nông nghiệp	1.851,43	1.821,52	1.792,68	-58,75
2	Đất phi nông nghiệp	310,78	380,70	440,94	+130,16
3	Đất chưa sử dụng	142,85	102,84	71,44	-71,41

- Kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2022 - 2025 định hướng đến 2030 được thể hiện trong bảng sau:

Đơn vị: ha.

TT	Loại đất	Mã	Năm 2022	Năm 2025	Năm 2030	Tăng (+)/giảm (-) năm 2030 so với 2022
1	Đất nông nghiệp	NNP	1.851,43	1.821,52	1.792,68	-58,75
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	1.457,58	1.432,12	1.398,12	-59,46
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	347,27	332,60	318,60	-28,67
	Đất trồng lúa	LUA	108,11	106,58	106,58	-1,53
	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	239,16	226,02	212,02	-27,14

TT	Loại đất	Mã	Năm 2022	Năm 2025	Năm 2030	Tăng (+)/ giảm (-) năm 2030 so với 2022
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.110,31	1.099,52	1.079,52	-30,79
1.2	Đất lâm nghiệp	LNP	329,54	307,05	292,05	-37,49
1.2.1	Đất rừng sản xuất	RSX	105,30	90,28	75,28	-30,02
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	RPH	224,24	216,77	216,77	-7,47
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	57,06	53,09	53,09	-3,97
1.4	Đất nông nghiệp khác	NKH	7,26	29,26	49,42	42,16
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	310,78	380,70	440,94	130,16
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	48,50	66,50	84,63	36,13
2.2	Đất chuyên dùng	CDG	168,68	314,20	356,31	187,63
2.2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,59	1,84	1,84	1,25
2.2.2	Đất thương mại dịch vụ	TMD		34,50	68,76	68,76
2.2.3	Đất an ninh	CAN		0,20	0,20	0,20
2.2.4	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	16,80			-16,80
2.2.5	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	2,16			-2,16
2.2.6	Đất vui chơi giải trí công cộng	DKV		0,42	0,42	0,42
2.2.7	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH		4,55	4,55	4,55
2.2.8	Đất có mục đích công cộng	CCC	149,13	175,45	175,45	26,32
2.3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ	NTD	80,74	89,74	97,59	16,85
2.4	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	12,84	7,50	7,50	-5,34
3	Đất chưa sử dụng	CSD	142,85	102,84	71,44	-71,41
	Tổng cộng		2.305,06	2.305,06	2.305,06	

6. Định hướng tổ chức không gian

- Bố trí hợp lý không gian khu trung tâm, không gian các khu dân cư và khu vực sản xuất.

- Khu trung tâm, vị trí các công trình công cộng như: trung tâm hành chính, trường học, trạm y tế, nhà văn hóa, ...

- Khu dân cư hiện hữu và khu dân cư xây dựng mới: Các khu dân cư này được sắp xếp quy hoạch liền kề nhau và sử dụng giải pháp phát triển theo dạng tuyến theo trục giao thông.

- Không gian sản xuất, định hướng phân chia các khu chức năng của các loại đất để có kế hoạch canh tác, sử dụng đất hợp lý.

7. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kinh tế, xã hội

a. Khu trung tâm xã

- Vị trí khu trung tâm xã được dự kiến quy hoạch tại thôn Huỳnh Công Đông, tiếp giáp với đường liên xã Nam - Trung - Thái.

- Khu vực khu trung tâm xã bao gồm các công trình: Trụ sở Đảng ủy, HĐND và UBND xã, nhà văn hóa xã, sân thể dục thể thao, công viên văn hóa xã, trường THCS, khu vui chơi giải trí trung tâm xã, khu thương mại dịch vụ. Có vị trí tương đối thuận lợi trong việc giao lưu kinh tế, văn hóa với các xã lân cận.

- Hệ thống giao thông chính trong khu trung tâm được mở rộng theo quy hoạch vùng huyện. Trong đó bao gồm các tuyến đường: Đường nối thị trấn Hồ Xá về các xã ven biển với mặt cắt rộng 40m; đường QL9D nối từ QL 1A đi qua địa bàn xã về thị trấn Cửa Tùng mở rộng với mặt cắt 27m; đường liên xã Trung Nam - Vĩnh Thái, Trung Nam - Vĩnh Tú quy hoạch mặt cắt rộng 20,5m.

b. Quy hoạch hệ thống hạ tầng xã hội

- Cơ sở vật chất trường học:

+ Giai đoạn đến 2030: Các trường học trên địa bàn xã không mở rộng diện tích song cần đầu tư mua sắm trang thiết bị cho việc dạy học.

+ Giai đoạn đến 2035: Triển khai mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng trong các trường học nhằm nâng cao kỹ năng sống cho học sinh. Các trường học phải có khu vực cho học sinh hoạt động ngoại khóa như: Bể bơi, sân thể thao, nhà đa năng, ...

- Cơ sở vật chất văn hóa:

+ Giai đoạn đến 2030: Xây dựng hoàn thiện các nhà văn hoá các khu dân cư 6, 7 thôn Nam Hùng, khu dân cư 2, 5, 6 thôn Thủy Trung, cải tạo nâng cấp các nhà văn hoá các Khu dân cư còn lại trên địa bàn xã; xây dựng cổng chào thôn Nam Hùng; nâng cấp, sửa chữa một số hạng mục của nhà văn hóa thôn Nam Hùng, xây dựng sân khấu các nhà văn hóa xóm 1, 2, 3, 4, 5; hoàn thành xây dựng các nhà văn hóa khu dân cư tại thôn Thủy Trung, Nam Hùng, Nam Cường, Nam Phú.

+ Giai đoạn đến 2035: Mua sắm trang thiết bị hiện đại, lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao đầy đủ cho các nhà văn hóa thôn. Lắp đặt hệ thống Wifi miễn phí tại nhà văn hóa thôn.

- Thông tin, truyền thông

+ Tiếp tục vận động nhân dân lắp đặt, sử dụng các dịch vụ viễn thông. Đầu tư sửa chữa, nâng cấp đài truyền thanh và hệ thống loa trên địa bàn toàn xã. Thường xuyên nâng cấp, đổi mới hệ thống thông tin để thực hiện việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành.

+ Lắp đặt Wifi miễn phí tại trung tâm xã, các TT HTCD thôn và các nhà văn hoá ở các khu dân cư .

+ Xã đã ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành các hoạt động hành chính đảm bảo hiệu quả.

+ Thành lập, quản lý và điều hành có hiệu quả tổ công nghệ số từ xã đến thôn.

- Y tế:

+ Giai đoạn đến 2030: Xây dựng Trạm y tế tại vị trí mới thuộc khu trung tâm hành chính xã; vận động nhân dân lập sổ khám chữa bệnh điện tử đạt tỷ lệ đạt 100%.

+ Giai đoạn đến 2035: Mua sắm trang thiết bị đầy đủ và có vườn thuốc nam trong khuôn viên trạm y tế; Thực hiện quản lý sức khỏe của người dân đạt 100%.

c. Định hướng phát triển và chỉnh trang khu dân cư

- Quy hoạch chỉnh trang khu dân cư hiện có

+ Nhà ở của đại bộ phận dân cư trong xã được xây dựng từ lâu theo kiến trúc truyền thống của nông thôn Việt Nam, khuôn viên nhà ở có sân, có bếp riêng và có vườn cây phía trước hoặc sau nhà. Quy hoạch giai đoạn 2023-2025 định hướng đến 2035, các cụm dân cư cũ của các thôn vẫn giữ như hiện nay; các điểm dân cư xen ghép mới sẽ phát triển với xu thế bám theo các trục đường liên xã, liên thôn để thuận tiện trong sinh hoạt và sản xuất kinh doanh.

+ Đối với những hộ có diện tích đất cần phải giải phóng mặt bằng để xây dựng các công trình công cộng, cơ sở hạ tầng kỹ thuật: cần tích cực tham gia, phối hợp với UBND xã nhanh chóng thực hiện các thủ tục đền bù, thu hồi đất nhằm đảm bảo tiến độ thực hiện xây dựng.

- Quy hoạch xây dựng, bố trí điểm dân cư mới: Hiện tại diện tích đất ở của xã là 50,58ha. Đến năm 2030, đất ở xã Trung Nam được quy hoạch mới tại các khu vực trên 06 thôn. Bao gồm:

+ Thôn Huỳnh Công Đông: Bố trí quy hoạch khu dân cư mới với tổng diện tích 8,84ha, được chuyển từ đất trồng cây lâu năm.

+ Thôn Nam Hùng: Bố trí quy hoạch khu dân cư mới với tổng diện tích 2,48ha, được chuyển từ đất trồng cây lâu năm.

+ Thôn Nam Phú: Bố trí quy hoạch khu dân cư mới với tổng diện tích 15,21ha, được chuyển từ đất trồng cây hàng năm.

+ Thôn Nam Cường: Bố trí quy hoạch khu dân cư mới với tổng diện tích 11,84ha, được chuyển từ đất trồng cây hàng năm và đất trồng cây lâu năm.

+ Thôn Thủy Trung: Bố trí quy hoạch khu dân cư mới với tổng diện tích 14,49ha, được chuyển từ đất trồng cây hàng năm và đất trồng cây lâu năm.

+ Thôn Mỹ Hội: Bố trí quy hoạch khu dân cư mới với tổng diện tích 9,42ha, được chuyển từ đất trồng cây hàng năm và đất trồng cây lâu năm.

d. Quy hoạch phát triển sản xuất

- Định hướng chung trong phát triển sản xuất: Dự kiến trong giai đoạn 2023-2030 và đến 2035, xã Trung Nam chuyển dịch dần trong cơ cấu tỷ trọng kinh tế, tập trung phát triển thương mại, dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp, giảm dần tỷ trọng ngành nông nghiệp. Cụ thể: Phát triển thương mại dịch vụ dọc theo tuyến đường QL9D, đường nối các xã ven biển; phát triển mô hình kinh tế trang trại, tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp gắn với ứng dụng khoa học trong sản xuất.

+ Giai đoạn năm 2023 - 2025:

* Tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm trên 10%/năm.

* Cơ cấu kinh tế: Nông, lâm, ngư nghiệp 45%; tiểu thủ công nghiệp - xây dựng 20%; thương mại - dịch vụ 35%.

* Thu ngân sách xã đạt từ 12-13%/ năm.

* Thu nhập bình quân đầu người đến 2025 đạt 55 triệu đồng/người/năm.

* Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn hàng năm tăng 10 ÷ 15%.

+ Giai đoạn năm 2025 - 2030:

* Tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm trên 10,5%/năm.

* Cơ cấu kinh tế: Nông, lâm, ngư nghiệp 35%; tiểu thủ công nghiệp - xây dựng 25%; thương mại - dịch vụ 40%.

* Thu nhập bình quân năm 2030 dự kiến đạt 65 triệu đồng/người/ năm.

* Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn hàng năm tăng 15 ÷ 20%.

+ Giai đoạn năm 2030 - 2035:

* Tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm trên 11%/năm.

* Cơ cấu kinh tế: Nông, lâm, ngư nghiệp 30%; tiểu thủ công nghiệp - xây dựng 30%; thương mại - dịch vụ 40%.

* Thu nhập bình quân năm 2035 dự kiến đạt 75 triệu đồng/người/ năm.

* Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn hàng năm tăng 20 ÷ 25%.

- Định hướng sản xuất nông nghiệp:

+ Tiếp tục hoàn thiện về tổ chức, chuyên giao công nghệ sản xuất cho từng loại cây trồng, vật nuôi; đặc biệt mở rộng thị trường xuất khẩu theo mô hình liên kết chuỗi giá trị hàng hóa để phát huy lợi thế sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

+ Tiến hành xây dựng các mô hình ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ để đưa vào phục vụ nông nghiệp. Phối hợp với các sở, ngành, viện, trường, các tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp, các tổ chức nước ngoài tập hợp các dữ liệu, tài liệu, mô hình đã có.

+ Tổ chức hoàn thiện các mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đã có và hiện đang triển khai thực hiện trên địa bàn thành phố thông qua việc gắn kết với viện, trường, tổ chức khoa học và công nghệ, từ đó lựa chọn mô hình phù hợp để chuyển giao qua mạng lưới liên kết 4 nhà (nhà nước, nhà quản lý, nhà doanh nghiệp, nhà nông).

+ Áp dụng hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong quản lý chất lượng sản phẩm nông nghiệp, tạo ra nhiều sản phẩm nông nghiệp có chất lượng, tính năng vượt trội, giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường và đảm bảo sức khỏe cộng đồng.

+ Đề xuất, đặt hàng các mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp, tiếp nhận, chuyển giao, hợp tác trong quá trình triển khai áp dụng công nghệ.

+ Ứng dụng khoa học, công nghệ đặc biệt là công nghệ thông tin trong nghiên cứu, sản xuất các sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

+ Xây dựng Website quảng bá hình ảnh điểm du lịch và các đặc sản, cây con chủ lực, sản phẩm đặc trưng của địa phương.

+ Xây dựng mô hình sản xuất đảm bảo môi trường kết hợp với phát triển du lịch cộng đồng địa phương.

- Định hướng sản xuất các ngành phi nông nghiệp:

+ Quy hoạch thêm một số vị trí đất để chuyển đổi, mở rộng các mô hình sản xuất phi nông nghiệp. Cụ thể:

* Giai đoạn đến năm 2030: Quy hoạch 9,62ha đất nông nghiệp khác tại thôn Huỳnh Công Đông sang đất sản xuất phi nông nghiệp.

* Giai đoạn đến năm 2035: Quy hoạch 3,28ha đất nông nghiệp khác tại thôn Nam Cường sang đất sản xuất phi nông nghiệp.

+ Ngành thương mại dịch vụ và du lịch:

* Giai đoạn đến 2030: Thương mại dịch vụ xã Trung Nam chủ yếu phát triển dọc theo đường QL9D. Trong định hướng khi tuyến đường nối thị trấn Hồ Xá về các xã ven biển được đầu tư xây dựng hoàn thành xã sẽ phát triển một số điểm dân cư và các cửa hàng dịch vụ kinh doanh, quảng bá các sản phẩm thương hiệu của xã.

* Giai đoạn đến 2035: Quy hoạch du lịch sinh thái hồ Bàu Sen (5,0ha) và đồi cát Động Ba Cao (50,0ha).

8. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

a. Giao thông

- Giai đoạn đến năm 2030:

+ Bê tông hóa 1,50km đường liên thôn; 5,50km đường ngõ xóm.

+ Bê tông hóa thêm 10km đường nội đồng phục vụ sản xuất.

+ Mở rộng các tuyến đường liên thôn hiện có với nền đường rộng 10m, mặt đường rộng trung bình 7m, mặt đường bê tông xi măng hoặc thảm nhựa.

- Giai đoạn đến 2035:

+ Mở rộng đường QL9D theo mặt cắt quy hoạch 27,0m.

+ Xây dựng đường liên xã Nam - Trung - Thái rộng 20,5m.

+ Mở rộng đường kết nối với đường ven biển theo quy hoạch vùng huyện rộng 40,0m.

+ Mở rộng đường liên xã Trung Nam - Vĩnh Tú theo mặt cắt quy hoạch 20,5m.

b. San nền

- Cốt san nền các khu quy hoạch xây dựng đặc biệt là khu trung tâm xã cần gắn với cốt quy hoạch tuyến đường trục chính xã để tránh định cốt không chế xây dựng quá cao, hoặc quá thấp so với mặt đường.

- Các tuyến kênh tưới cốt đáy kênh thiết kế cần căn cứ vào cốt mặt ruộng trong khu vực để thiết kế cho phù hợp.

- Các tuyến sản xuất định cốt thiết kế theo hiện trạng, để đảm bảo vận chuyển sản phẩm dễ dàng.

- Vật liệu san nền ưu tiên sử dụng vật liệu hiện có của địa phương như đất đồi, cát, đá sỏi...

c. Cấp điện và chiếu sáng

- Tiêu chuẩn sử dụng năng lượng điện KWh/người: Giai đoạn 2022-2025 là 200KWh/người, đến 2030 dự kiến là 400KWh/người.

- Cơ quan và công trình công cộng: Cơ quan từ 35W/m² sàn đến 40W/m² sàn, công trình công cộng từ 15W/m² sàn đến 40W/m² sàn, trường học 0,08W/học sinh, công viên cây xanh: 30 KW/ha.

- Nâng cấp 10,66km đường điện chiếu sáng, sản xuất cho các tuyến đường giao thông nội thôn, đường sản xuất trên địa bàn xã để đáp ứng nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của người dân. Bố trí 3 trạm biến áp có công suất khoảng 250kVA tại khu vực quy hoạch điểm dân cư mới diện tích lớn. Đến năm 2030, xây dựng thêm 2,40km đường điện. Đến năm 2035, đầu tư thêm 2,46km đường điện chiếu sáng.

d. Cấp nước sinh hoạt

Quy hoạch đến năm 2030 toàn xã sẽ xây dựng 02 vị trí cấp nước sạch tại các vị trí thuận lợi để cấp nước đảm bảo cho các hộ dân trên toàn xã được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn.

e. Hệ thống thoát nước

- Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa

+ Trong khu dân cư sử dụng hệ thống thoát nước chung với nước thải sinh hoạt, hoạt động theo chế độ tự chảy. Khu vực ruộng canh tác thoát nước nhờ vào hệ thống kênh mương thủy lợi, khe suối, có sự hỗ trợ của các cống điều tiết.

+ Hệ thống thoát nước được xây dựng đồng bộ gồm tuyến công, cửa xả.

* Xây dựng hệ thống thoát nước chung giữa nước mưa và nước thải.

* Cải tạo, nâng cấp hệ thống tiêu thoát chính và tiêu thoát nội đồng.

* Cải tạo, liên thông hệ thống kênh mương tiêu nội đồng với hệ thống tiêu thoát nước mặt toàn xã.

* Hướng thoát nước: Nước mưa được thoát chủ yếu theo hệ thống kênh, mương và đổ ra các khe nước tự nhiên.

- Hệ thống thoát nước thải: Hệ thống thoát nước thải dự kiến thoát vào hệ thống thoát nước chung sau khi xử lý nước thải tại nguồn phát sinh như sau:

+ Các hộ gia đình, trang trại chăn nuôi: Xây dựng bể tự hoại hoặc bể bioga để xử lý phân, nước thải.

+ Nước thải sinh hoạt từ các khu công cộng: Xử lý bằng bể tự hoại trước khi xả vào hệ thống thoát nước. Chất lượng nước thải sau xử lý phải đạt tiêu chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT.

+ Nước thải và phân gia súc từ các khu chuồng trại chăn nuôi lớn sẽ được xử lý bằng bể bioga, tạo năng lượng để đun bếp, thắp sáng.

f. Thu gom và xử lý chất thải rắn

Thực hiện theo hướng dẫn số 3094/STNMT-CCBVMT ngày 06/9/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường. Theo đó, xã có kế hoạch kiểm tra, tổng hợp các tuyến đường, các khu vực tập trung đông người, khu dân cư, khu công viên, thể thao, ... để rà soát khối lượng chất thải rắn phát sinh nhằm có kế hoạch thu gom, xử lý kịp thời, đảm bảo vệ sinh môi trường trong khu dân cư, khu vực công cộng.

g. Nghĩa trang - nghĩa địa

Hiện nay, các thôn đã có nghĩa địa phân bố theo địa bàn từng thôn trong đó diện tích lớn nhất tại thôn Nam Hùng và thôn Mỹ Hội. Trong giai đoạn đến năm 2030, đầu tư đường giao thông vào khu nghĩa địa, trồng cây xanh. Dự kiến đến

năm 2035, đất nghĩa trang được quy hoạch mở rộng 7,1ha gồm tại thôn Huỳnh Công Đông 6,0ha, thôn Mỹ Hội 1,1ha.

9. Tiến độ, giải pháp tổ chức thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã

- Tiến độ thực hiện: Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Trung Nam huyện Vĩnh Linh đến 2035 được triển khai thực hiện kể từ ngày đồ án được UBND huyện ban hành Quyết định.

- Giải pháp tổ chức thực hiện:

+ Sau khi Đồ án quy hoạch được phê duyệt, UBND xã tổ chức công bố và phổ biến cho Nhân dân trong xã và các tổ chức liên quan, các nhà đầu tư được biết.

+ Hàng năm xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện dự án đầu tư theo quy hoạch trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

+ Tổ chức quản lý xây dựng theo đúng Đồ án quy hoạch được phê duyệt.

Điều 2. UBND xã Trung Nam căn cứ quy hoạch được phê duyệt tổ chức công bố đồ án quy hoạch theo các quy định hiện hành. Chịu trách nhiệm về công tác quản lý, thực hiện và lưu trữ hồ sơ. Thực hiện quản lý quy hoạch xây dựng theo quy chế đã được phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Trưởng phòng Nông nghiệp và PTNT, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Vĩnh Linh, Thủ trưởng các phòng, ban có liên quan và Chủ tịch UBND xã Trung Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, KT&HT.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Thái Văn Thành